TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày: 13/3/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Đậu Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12, 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Sơn Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:14/2024 /QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh X– Sinh năm: 1990 và bà Đoàn Diệp Thủy T – Sinh năm: 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn Thống N, xã ST, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

-Bị đơn: ông Huỳnh Y. H– Sinh năm: 1986 và bà Nay H.C– Sinh năm: 1993; địa chỉ: thôn Độc L, xã EC, huyện SH, tỉnh Phú Yên (Có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Linh Văn T– Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: thôn Thống N, xã ST, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Huỳnh Minh D– Sinh năm: 1992;

Địa chỉ: thôn Tân M, xã Hòa P, huyện TH, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Nguyễn T– Sinh năm: 1965;

Địa chỉ: thôn Kiến T, xã EC, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

(Đều vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Ông X và ông H, bà C có ký hợp đồng để mua bán vật liệu xây dựng, theo đó hợp đồng ký ngày 18/7/2022 và ngày 03/8/2022 với thỏa thuận ông X bán vật liệu theo đợt và ông H, bà

C thanh toán theo từng đợt. Khi thực hiện hợp đồng ông H, bà C đã thanh toán tổng cộng 02 lần với số T 70.000.000 đồng. Đợt 03 ông Xgiao 3.000 viên ngói lợp; 70 viên ngói úp và yêu cầu ông H, bà C thanh toán theo thỏa thuận. Nhưng ông H thẩm định là 13 viên ngói úp và 2.567 viên ngói lợp vì lúc đầu tháo dỡ ông H bà C không đồng ý thanh toán vì cho rằng bên ông X giao ngói lợp không đúng chất lượng nên lợp lên mưa thấm dột. Sau nhiều lần thỏa thuận không thành ông H, bà C đã thay ngói khác và tháo dỡ ngói ông Xđã giao để trả lại. Việc ông H, bà C không thanh toán và tháo dỡ thay ngói là vi phạm hợp đồng. Do đó, nay ông Xyêu cầu Tòa buộc ông H, bà C trả số T còn nợ 02 đợt đầu là 69.901.000 đồng và T ngói, cát đã giao 22.720.000 đồng (gồm ngói 20.200.000 đồng và cát 2.520.000 đồng), tổng cộng là 92.621.000 đồng.

Đối với số lượng ngói còn lại qua xem xét, bà C không thống nhất để ông Xtháo dỡ nhận lại hàng; sau đó ông H, bà C tự tháo dỡ và bỏ ngoài mưa, nắng nên ông Xkhông đồng ý nhận lại. Nay nếu ông H, bà C muốn trả lại thì ông Xsẽ nhận lại với điều kiện ngói không bám rêu mốc hay dính hồ xi măng và chỉ nhận lại với giá theo Hội đồng đã định giá; ông H, bà C phải hoàn trả giá chênh lệch so với lúc giao hàng cho ông Xuân, bà T và giá trị đối với lượng ngói đã sử dụng.

Đối với việc ông H, bà C yêu cầu ông X phải bồi thường thiệt hại 47.000.000 đồng vì việc tháo dỡ ngói và cúng kính theo phong tục tập quán vì ông X kình cãi trong nhà đang xây dựng. Ông X không chấp nhận vì không có căn cứ; ông Xuân, bà T chỉ tự nguyện hỗ trợ cho ông H, bà C 2.000.000 đồng đề nghị Tòa xem xét theo quy định.

Ngoài ra không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn thống nhất trình bày*: Ông H, bà C có ký hợp đồng mua vật liệu xây dựng để xây dựng nhà như ông Xtrình bày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng theo đợt 1 và 2, ông H, bà C đã thanh toán và thừa nhận chỉ còn nợ ông X 48.000.000 đồng. Đối với đợt 3 về phần ngói ông Xđã giao, sau khi nhận ông H, bà C cho thợ lợp lên thì phát hiện không đúng chất lượng nên trời mưa gây thấm dột và đã yêu cầu ông X tháo dỡ đổi lại nhưng ông X không thực hiện nên ông H, bà C đã tháo dỡ và mua ngói nơi khác để lợp lại. Do đó, đối với phần ngói, ông H, bà C trả lại cho ông Xkhông chấp nhận trả T.

Vì ông X đến nhà đang xây dựng lớn tiếng kình cãi và giao ngói không đúng chất lượng nên ông H, bà C phải tháo dỡ lợp lại và phải cúng kính theo phong tục tập quán. Do đó, ông H, bà C có đơn phản tố yêu cầu Tòa buộc ông X phải bồi thường số T 47.000.000 đồng mà ông H, bà C đã chi trả cho việc cúng kính theo phong tục.

Như vậy, đối trừ nghĩa vụ ông H, bà C chỉ còn nợ ông X 1.000.000 đồng. Mong Tòa xem xét theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hoà đã áp dụng: Điều 147, 157 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 410, 430 và 440, 443 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.Cphải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T 75.522.150 đồng.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C phải có nghĩa vụ bảo quản để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T 13 viên ngói úp và 2.567 viên ngói lợp không bị bám rêu mốc và hồ xi măng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản T phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu T lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số T và thời gian chưa thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.Cvề việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T bồi thường số T 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí thẩm định và định giá tài sản, thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

- Ngày 11/10/2023, ngày 08/11/2023 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 2567 viên ngói lợp gia lai và 13 viên ngói úp(bỏ điều kiện không bị bám rêu mốc và hồ xi măng), trường hợp làm bể hư hỏng thì phải bồi thường bằng T theo giá trị tại thời điểm định giá ngói úp 7.000đ/viên, ngói lợp 5.850đ/viên.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 2567 viên ngói lợp gia lai và 13 viên ngói úp, ghi nhận việc bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn giá trị tại thời điểm mua hàng 433 viên ngói lợp gia lai, 57 viên ngói úp bị đơn làm mất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay Hờ C:

[1.1] Ngày 18/7/2022 và ngày 03/8/2022 giữa ông Xvà ông H, bà C có ký hợp đồng để mua bán vật liệu xây dựng làm nhà, theo hợp đồng ông Xbán vật liệu theo đợt và ông H, bà C thanh toán theo từng đợt. Bị đơn đã ứng cho nguyên đơn số T 10.000.000đ. Theo nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng ông Xcó cung cấp vật liệu đợt 1 từ ngày 25/7/2022 đến ngày 10/8/2022 với giá trị 90.693.000đ và bị đơn đã tạm ứng 30.000.000đ, đợt 2 từ ngày 11/8/2022 đến ngày 02/9/2022 với giá trị T là 49.208.000đ và bị đơn ứng cho nguyên đơn 30.000.000đ, đợt 3 từ ngày 07/9/2022 đến 16/9/2022 với giá trị T 22.720.000đ. Tổng số hàng giá trị đợt 1 + 2 là 139.901.000đ, trừ số T đã ứng bị đơn còn nợ lại số T 69.901.000đ.

[1.2] Theo bản kê hoá đơn bán hàng ngày 16/9/2022(bl 53) do nguyên đơn cung cấp, tại phiên toà phúc thẩm bị đơn không thừa nhận đơn hàng ngày 09/8/2022 giá trị 7.850.000đ với lý do không trực tiếp nhận hàng, đã nhận hoá đơn do nguyên đơn xuất nhưng chưa ký xác nhận vào hoá đơn và đơn hàng ngày 29/8/2022 giá trị 5.403.000đ với lý do bị đơn bà C mặc dù có ký vào tờ hoá đơn do nguyên đơn xuất đưa nhưng chỉ ký để xác nhận nội dung ngày 02/9/2022 nguyên đơn có nhận số T 30.000.000đ T ứng do bị đơn giao. Đối với đơn hàng ngày 09/8/2022 tại thời điểm nguyên đơn giao hàng cho bị đơn và có ông Nguyễn T là thợ làm nhà cho bị đơn ký nhận tại sổ giao hàng do nguyên đơn cung cấp và bản thân ông Nguyễn T cũng thừa nhận là người trực tiếp nhận hàng thay cho bị đơn sau khi được bị đơn đồng ý, thực tế không riêng đơn hàng ngày 09/8/2022 mà một số đơn hàng khác trong quá trình làm nhà những người thợ thi công có ông T, ông D đều xác nhận có nhận hàng thay cho bị đơn và bản thân bị đơn đã nhận hoá đơn hàng ngày 09/8/2022 do nguyên đơn xuất nhưng không có ý kiến gì. Đối với đơn hàng ngày 29/8/2022 thể hiện số lượng, loại hàng, giá trị đơn hàng và nội dung nguyên đơn ký xác nhận có nhận số T 30.000.000đ của bị đơn, bị đơn cho rằng mục đích ký tên xác nhận vào đơn hàng để xác nhận đã giao 30.000.000đ cho nguyên đơn là không đúng bởi đây là hoá đơn thanh toán, ngoài ký tên bị đơn không có ghi ý kiến nào khác về đơn hàng hay nội dung xác nhận giao T, đồng thời qua trao đổi tin nhắn giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn thừa nhận còn nợ số T trên nhưng vì tranh chấp về lượng ngói nên không đồng ý trả vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả T hàng đợt 1 + 2 69.901.000đ là có căn cứ.

[1.3] Đối với số hàng đợt 03 có giá trị 22.700.000đ nguyên đơn giao cho bị đơn vào ngày 07/9/2022 gồm 3000 viên ngói lợp gia lai giá trị 6.500đ/viên là 19.500.000đ, 70 viên ngói úp giá trị 10.000đ/viên là 700.000đ, ngày 16/9/2022 cát xây giá trị 2.520.000đ. Bị đơn ông H, bà C đã ký nhận và tiến hành lợp mái tuy nhiên mái nhà bị thấm dột và bị đơn cho rằng nguyên đơn giao hàng không đúng chất lượng nên tiến hành tháo dỡ sau đó xảy ra tranh chấp giữa hai bên.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 11/7/2023 số lượng ngói còn lại và được tháo dỡ gồm 13 viên ngói úp giá trị 7000đ/viên = 91.000đ, 2567 viên ngói lợp giá trị 6500đ/viên = 16.685.500đ, tổng giá trị còn lại 90% là 15.098.850đ. Tại Tòa cấp phúc thẩm nguyên đơn đồng ý nhận lại 2567 viên ngói lợp gia lai, 13 viên ngói úp nên HĐXX ghi nhận.

Trong số 3000 viên ngói lợp, 70 viên ngói úp bị đơn thừa nhận có 433 viên ngói lợp, 57 viên ngói úp bị đơn làm mất, tại Toà cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa cấp phúc thẩm bị đơn đồng ý trả T cho nguyên đơn theo giá trị lúc mua hàng là 57 viên ngói úp giá 10.000đ/viên là 570.000đ, 433 viên ngói lợp giá 6.500đ là 2.814.500đ, tổng cộng 3.384.500đ nên HĐXX ghi nhận.

Về T chênh lệch giá 2567 viên ngói lợp, 13 viên ngói úp: 2567 viên ngói lợp, 13 viên ngói úp tại thời điểm mua hàng có giá trị 16.685.500đ, tại thời điểm định giá có giá trị 15.016.950đ, do đó T chênh lệch giá được xác định là 1.707.550đ. Xét thấy cả hai bên nguyên đơn, bị đơn đều có lỗi trong việc thỏa thuận mua bán nên mỗi bên phải chịu ½ mức độ lỗi tương ứng với số T mỗi bên phải chịu 1.707.550đ : 2 = 853.775đ.

[1.4] Đối với việc bị đơn bà C, ông H yêu cầu nguyên đơn ông X phải bồi thường số T 47.000.000đ chi phí cúng kính theo phong tục khi ông X đến kình cãi trong nhà mới. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc phải cúng kính theo phong tục. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số T 2.000.000đ nên HĐXX ghi nhận.

Như vậy, từ những căn cứ trên HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số T 73274.775đ(T hàng đợt 1, 2 là 69.901.000đ, T chênh lệch giá 853.775đ, T cát đợt 3 là 2.520.000đ) và giao trả cho nguyên đơn 2567 viên ngói lợp gia lai, 13 viên ngói úp, trường hợp làm bể hư hỏng thì phải bồi thường bằng T với giá trị ngói úp 7.000đ/viên, ngói lợp 5.850đ/viên. Ghi nhận việc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số ngói bị đơn làm mất gồm viên ngói lợp + 57 viên ngói úp là 3.384.500đ,

[1.5] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Số T 5.000.000đ căn cứ Điều 165 BLTTDS mỗi bên đương sự phải chịu ½ chi phí là có căn cứ.

[2] Về án phí:

Bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với 5% tổng số T phải trả cho nguyên đơn và yêu cầu phản tố không được chấp nhận(76.659.275đ + 45.000.000đ) = 6.083.000đ.

Bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay Hờ C; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 147, 157 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 410, 430 và 440, 443 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T số T 73.274.775đ (*Bảy mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Huỳnh Y H, bà Nay H.Cbồi thường cho nguyên đơn Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T số ngói bị đơn làm mất bao gồm 433 viên ngói lợp và 57 viên ngói úp giá trị là 3.384.500đ *(Ba triệu, ba trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm đồng)*

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C phải có nghĩa vụ bảo quản để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T 13 viên ngói úp và 2.567 viên ngói lợp gia lai. Trường hợp làm bể hư hỏng thì phải bồi thường bằng T với giá trị ngói úp 7.000đ/viên, ngói lợp 5.850đ/viên.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn số T 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* chi phí cúng kính theo phong tục.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.Cvề việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T bồi thường số T 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản T phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu T lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số T và thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*. Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 2.500.000đ *(Hai triệu, năm trăm ngàn đồng)*; nguyên đơn đã nộp tạm ứng 5.000.000đ nên buộc bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T 2.500.000đ *(Hai triệu, năm trăm ngàn đồng).*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Y H, bà Nay H.Cphải chịu 6.083.000đ *(Sáu triệu, không trăm tám mươi ba ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số T 1.175.000đ *(Một triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại phiếu thu số 0008852 ngày 26/4/2023 và 300.000đ*(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại phiếu thu số 0002990 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên, nên ông H, bà C còn phải nộp 4.608.000 đồng (*Bốn triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bà Đoàn Diệp Thủy T 2.315.000đ (*Hai triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng*) T tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0008830 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện SH;
- Chi cục THADS huyện SH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thái Lan

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thu Hằng **Lê Thị Thái Lan** **Lương Quang**